

Số: 06/BC-SP2-HĐQT

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
Về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 và nhiệm vụ,  
Kế hoạch SXKD năm 2022**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

**A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

**1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất kinh doanh điện - thương - phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện...

**2. Vốn điều lệ của Công ty**

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là: 420.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp là: 152.460.000.000 đồng

**3. Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hiện nay**

**3.1. Hội đồng quản trị**

- Ông Đoàn Hải Chiến	- Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
- Ông Nguyễn Quang Luân	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/4/2021
- Ông Nguyễn Xuân Hồng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/3/2019
- Ông Khương Đức Dũng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/6/2017
- Ông Nguyễn Văn Hào	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/6/2020
		Miễn nhiệm ngày 29/4/2021
- Đỗ Đức Mạnh	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/6/2020

**3.2. Ban kiểm soát**

- Ông Đỗ Anh Thái	- Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
- Ông Phạm Văn Tuyền	- Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
- Bà Hà Thị Hải Yến	- Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020

**3.3. Tổng giám đốc**

- Ông Nguyễn Xuân Hồng	- TGD Công ty
------------------------	---------------

Tổng số CBCNV Công ty đến ngày 31/12/2021 là: 51 người,

**B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2021**

**1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021**



### 1.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021			Ghi chú
			KH	TH	HT	
1	<b>Sản lượng điện</b>					
-	Sản lượng điện thương phẩm	10 <sup>6</sup> kWh	148,2	155,24	105%	
2	<b>Tổng Doanh thu (gồm thuế Tài nguyên, Phí DVMTR, doanh thu khác)</b>	10 <sup>6</sup> đồng	<b>172,323</b>	<b>182.824</b>	106%	
-	Doanh thu từ sản xuất điện năng	10 <sup>6</sup> đồng	150.074	157.295		
-	Doanh thu khác	10 <sup>6</sup> đồng	2,303	3.809		
-	Thuế Tài nguyên, Phí DVMTR	10 <sup>6</sup> đồng	19.146	21.720		
3	<b>Chi phí SXKD</b>	10 <sup>6</sup> đồng	<b>102.569</b>	<b>98.496</b>	96.0%	
4	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	10 <sup>6</sup> đồng	<b>29.548</b>	<b>36.094</b>	122.2%	
5	<b>Nộp Ngân sách Nhà nước</b>	10 <sup>6</sup> đồng	<b>33.999</b>	<b>37.324</b>		
6	<b>Tổng Tài sản</b>	10 <sup>6</sup> đồng	<b>744.001</b>	<b>744.001</b>		
7	<b>Tổng Nợ phải trả</b>	10 <sup>6</sup> đồng	<b>810.073</b>	<b>810.073</b>		

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

## 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021

### 2.1. Những mặt đã làm được:

- Năm 2021 sản lượng và doanh thu sản xuất điện tăng cao sơ với kế hoạch. Cụ thể: Sản lượng điện tăng 5%, doanh thu tăng 6%. Giá trị sản lượng điện và doanh thu tăng cao là do năm 2021, Công ty đã có sự chuẩn bị tốt về công tác sản xuất kinh doanh trong đó có sự điều hành sát với kế hoạch từ ban lãnh đạo công ty, công tác đại tu, sửa chữa các thiết bị và công trình xây dựng được kịp thời, có các mối quan hệ tốt với các nhà máy thủy điện bậc thang, trung tâm điều độ A0...
- Đánh giá chung về công tác quản lý vận hành, nhà máy vận hành ổn định, không xảy ra mất an toàn về người và thiết bị. Sử dụng tối ưu nguồn nước để phát điện đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong nhà máy. Giảm thiểu sự cố dừng máy, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.
- Công tác vật tư cung cấp cho nhà máy đảm bảo tiến độ, chất lượng đảm bảo phục vụ cho công tác vận hành phát điện của nhà máy.
- Nhà máy đã làm chủ được thiết bị, chủ động trong công tác sửa chữa nhỏ. Chủ động nghiên cứu và có các sáng kiến cải tạo để nâng cao hiệu quả vận hành nhà máy.
- Về công tác an toàn lao động: Năm 2021, trong toàn công ty không để xảy ra mất an toàn lao động. Nhà máy đều luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động. Trang bị đầy đủ thiết bị và các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tham gia vận hành. Duy trì tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ sát hạch theo quy định.
- Các công tác phòng chống bão lũ, công tác vệ sinh môi trường, PCCC của nhà máy đã đi vào nền nếp đảm bảo theo các quy định hiện hành của nhà nước.



## 2.2. Những mặt chưa làm được:

- Trong năm 2021 chưa thu hồi được số tiền thiệt hại từ Công ty TNHH MTV thủy điện Sa Pa: Lý do: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 dẫn đến Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã nhiều lần phải hoãn phiên tòa, đến nay vẫn chưa giải quyết được. Đồng thời do đơn kiện có liên quan đến yếu tố Tổng thầu thi công xây dựng (đơn vị gây ra sự cố sạt lở) là đơn vị nước ngoài dẫn đến hiện nay, Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã có văn bản xin ý kiến chỉ đạo từ Tòa án nhân dân Cấp cao Hà Nội để xin ý kiến.
- Việc thiếu vốn chủ sở hữu để thanh toán công nợ và các khoản vay trong giai đoạn thi công dự án dẫn đến Công ty không có nguồn vốn để thanh toán cho các đơn vị và các nhà thầu dẫn việc kiện dân sự gây ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chưa đưa ra phương án thực hiện việc thoái vốn tại Công ty cổ phần xây lắp Sông Đà Hoàng Liên để thu hồi vốn đã đầu tư. Lý do, hiện tại Đơn vị đã dừng hoạt động.

## C. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

### 1. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2021

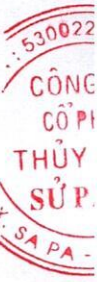
Năm 2021, HĐQT Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ; đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông của Công ty, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong công tác sản xuất kinh doanh. Định kỳ triệu tập các cuộc họp để xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời đề ra nhiệm vụ và các công việc cần thực hiện trong thời gian tiếp theo. Tại các kỳ họp các thành viên đã tập trung phân tích đánh giá, kiểm điểm các nguyên nhân khách quan, chủ quan, những việc đã thực hiện, chưa thực hiện được và đưa ra những chỉ đạo quyết liệt nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch SXKD của đơn vị cũng như nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao cho.

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã ban hành 13 Nghị quyết và 13 Quyết định để tạo điều kiện cho công tác quản lý điều hành công việc của Công ty. Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính thực thi cao và được TGD tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

### 2. Kết quả giám sát đối với TGD và bộ máy điều hành

- Hội đồng quản trị Công ty luôn sát sao chỉ đạo TGD và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Công ty đã đề ra;
- Kiểm tra, giám sát việc chi trả lương cho người lao động; thực hiện nộp các loại thuế, phí, nộp BHXH và BHYT đảm bảo về thời gian theo quy định;
- Giám sát sau quá trình thực hiện: Giám sát hoạt động của TGD, các phòng nghiệp vụ Công ty thông qua việc kiểm tra, kiểm soát hằng quý của BKS Công ty.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở đến việc điều hành của TGD và bộ máy điều hành của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị đã nắm bắt được diễn biến hoạt động, kết quả thực





hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong từng giai đoạn để có biện pháp chỉ đạo kịp thời và xử lý từng trường hợp cụ thể.

### **3. Công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị**

#### **3.1. Công tác tổ chức**

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty;
- Tiếp tục duy trì ổn định tổ chức, cân đối lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **3.2. Công tác cán bộ**

Hội đồng quản trị Công ty đã kiện toàn bộ máy quản lý đảm bảo phù hợp với Công tác quản lý và điều hành SXKD của Công ty.

Các bộ phận trực thuộc Công ty được sắp xếp một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu công việc. Việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh được thống nhất từ trên xuống dưới, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng kỷ luật đối với người lao động phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị và Nội quy của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

## **D. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022**

### **1. Nhiệm vụ của năm 2022**

- Sản lượng điện thương phẩm: 152,1 triệu kWh;
- Tổng doanh thu (gồm thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng và doanh thu khác): 176,696 tỷ đồng.
- Doanh thu thuần từ sản xuất điện: 154,043 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 103,582 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 37,022 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế là: 41,951 tỷ đồng.

*(Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*

### **2. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022**

#### **2.1. Công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng Nhà máy**

- Vận hành nhà máy, sửa chữa bảo dưỡng đúng quy trình an toàn. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng vận hành của máy móc thiết bị. Đồng thời, chuẩn bị đầy đủ các vật tư, thiết bị dự phòng cho việc thay thế khắc phục sự cố, hư hỏng (nếu có) nhằm giảm thiểu thời gian ngừng nghỉ máy;

- Tổ chức tốt công tác sửa chữa tiểu tu, trung tu, đại tu nhà máy, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả: Thiết bị nhà máy sau sửa chữa đảm bảo hoạt động tốt nhất, hiệu quả nhất; thực hiện công tác sửa chữa nhanh nhất, an toàn nhất, thời gian dừng máy để sửa chữa ngắn nhất; chủ động trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị. Không để xảy ra các sự cố do nguyên nhân chủ quan, hạn chế thấp nhất các sự cố do nguyên nhân khách quan có thể xảy ra.

- Tiếp tục tổ chức thi công nạo vét đất đá lòng hồ để đảm bảo an toàn vận hành phát điện và tăng dung tích hữu ích phát điện cho nhà máy.

- Tổ chức đánh giá hiện trạng nền, mái taluy, rãnh thoát nước nền tuyến đường ống



áp lực, đường vận hành để tiến hành xử lý gia cố các vị trí xung yếu, đảm bảo an toàn trong các tháng mùa mưa lũ.

- Tổ chức thi công sơn dặm tuyến đường ống áp lực tại các vị trí bị đang bị gỉ sét xung quanh tuyến đường ống áp lực.

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm điều độ Quốc gia A0, đồng thời tạo mối quan hệ tốt với Trung tâm điều độ HTĐĐQG để có được kế hoạch phát điện tốt nhất cho nhà máy thủy điện Sứ Pán 2;

- Chủ động phối hợp với các Nhà máy trên lưu vực lòng hồ để điều tiết lượng nước phát điện và hạn chế phát điện trong các giờ thấp điểm;

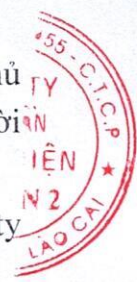
- Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, phương án phòng chống thiên tai và đảm bảo an toàn đập đã được Bộ Công thương phê duyệt;

- Giám sát, kiểm tra định kỳ nhà máy công tác kỹ thuật, an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định của công ty và quy định của pháp luật:

- Về con người: 100% sản xuất an toàn, không xảy ra bất cứ tai nạn lao động nào; 100% đối tượng mới tuyển dụng (nếu có) được huấn luyện ATLĐ; 100% đối tượng nhóm 4 được huấn luyện định kỳ.

- Về thiết bị: 100% sản xuất an toàn, không để bất cứ lỗi dừng máy nào do lỗi chủ quan; 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ được kiểm định định kỳ đúng thời hạn; 100% dụng cụ an toàn được thí nghiệm định kỳ theo quy định.

- Triển khai thực hiện báo cáo môi trường, PCCC, phòng chống bão lũ của công ty theo đúng quy định của nhà nước và pháp luật.



## **2.2. Công tác kinh tế - Tài chính:**

- Tiếp tục làm việc với các cổ đông để Tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn thanh toán cho các nhà thầu tham gia thi công dự án thủy điện Sứ Pán 2 và các khoản vay đã quá hạn của Công ty;

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến đơn khởi kiện Công ty TNHH thủy điện Sa Pa (thủy điện Nậm Toóng) và đơn kháng cáo đối với bản án của Công ty Sông Đà 12 nhằm đảm bảo quyền lợi của Công ty trong các vụ kiện dân sự.

- Tiếp tục làm việc với các ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc, giảm lãi vay, đồng thời trích một phần doanh thu bán điện để thanh toán công nợ các nhà thầu trong năm 2022.

- Tiếp tục Nghiên cứu, đưa ra phương án thực hiện việc thoái vốn tại Công ty cổ phần xây lắp Sông Đà Hoàng Liên để thu hồi vốn đã đầu tư.

## **2.3. Công tác tổ chức nhân sự:**

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty theo đúng các quy định của nhà nước và tình hình thực tế của Công ty;

- Tiếp tục duy trì ổn định bộ máy tổ chức, bố trí phù hợp với kế hoạch của Công ty



đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí. Nâng cao ý thức cho NLĐ về tinh thần tự thực hiện, cải tiến và tối ưu hóa là hành động xuyên suốt quy trình SXKD và việc nâng cao thu nhập phải gắn liền với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 và Nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty kính mong Quý vị cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**



**Đoàn Hải Chiến**





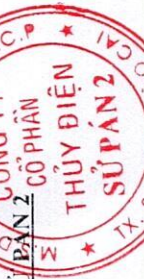
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỦ PÁN 2**

## BÁO CÁO

**THỰC HIỆN SXKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022  
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỦ PÁN 2**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	HT		
<b>A</b>	<b>Sản lượng</b>						
-	Sản lượng điện thương phẩm	10 <sup>6</sup> Kwh	148.2	155.24	105%	152.1	
<b>B</b>	<b>Kết quả kinh doanh</b>						
<b>I</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	10 <sup>6</sup> đ	<b>172,323</b>	<b>182,824</b>	<b>106%</b>	<b>176,696</b>	
1	Doanh thu thuần phát điện năm	10 <sup>6</sup> đ	150,074	157,295	105%	154,043	
2	Thuế Tài nguyên, phí môi trường rừng	10 <sup>6</sup> đ	19,146	21,720		19,653	
3	Doanh thu khác (Chỉ thu chênh giá điện và các hoạt động tài chính khác)	10 <sup>6</sup> đ	3,103	3,809		3,000	
<b>II</b>	<b>Giá vốn bán hàng</b>	10 <sup>6</sup> đ	<b>102,569</b>	<b>98,495</b>	<b>96%</b>	<b>103,582</b>	
1	Chi phí chi phí quản lý DN	10 <sup>6</sup> đ	6,090	7,487	123%	8,354	
2	Chi phí sản xuất	10 <sup>6</sup> đ	10,810	10,543	98%	11,942	
3	Phân bổ chi phí sửa chữa định kỳ (dân dụng + cơ điện)	10 <sup>6</sup> đ	12,539	4,069		8,957	
4	Thuế Tài nguyên, phí môi trường rừng	10 <sup>6</sup> đ	19,146	21,720		19,653	
5	Khấu hao tài sản cố định	10 <sup>6</sup> đ	53,984	54,676		54,676	
<b>III</b>	<b>Lãi vay (giai đoạn vận hành)</b>	10 <sup>6</sup> đ	<b>38,666</b>	<b>36,678</b>		<b>28,960</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu hồi lại tiền thuế VAT giai đoạn đầu tư</b>	10 <sup>6</sup> đ		<b>8,125</b>			
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận</b>						
1	Lợi nhuận gộp từ sản xuất điện (I.1+I.2-II)	10 <sup>6</sup> đ	66,651	80,520	121%	70,115	
2	Lợi nhuận HĐKD (V.1-III)	10 <sup>6</sup> đ	27,986	43,842	157%	41,154	
3	Lợi nhuận điều chỉnh từ hoạt động khác (V.2+I.3-IV)	10 <sup>6</sup> đ	31,088	39,526	127%	44,154	
4	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	29,534	36,094	122%	41,947	



KẾ HOẠCH DOANH THU SẢN XUẤT PHÁT ĐIỆN NĂM 2022  
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Stt	Ngày, tháng	Sản lượng điện phát (KWh)		Thuế TNN	Phí MTR	Doanh thu (đã bao gồm TNN, MTR)				Doanh thu (chưa bao gồm TNN, MTR)			
		SL đầu cực	SL thương phẩm			Doanh thu trước thuế	thuế VAT	Doanh thu sau thuế	Doanh thu thuế	Doanh thu trước thuế	Thuế VAT	Doanh thu sau thuế	Doanh thu sau thuế
I	Quý I	14,529,000	14,376,446	1,340,201,002	517,552,038	16,419,223,394	1,641,922,339	18,061,145,733	14,561,470,354	1,456,147,035		16,017,617,389	
1	Tháng 01	5,085,000	5,031,608	469,056,514	181,137,870	5,746,558,673	574,655,867	6,321,214,540	5,096,364,289	509,636,429		5,606,000,717	
2	Tháng 02	4,381,000	4,335,000	404,117,323	156,059,982	4,950,968,249	495,096,825	5,446,065,074	4,390,790,944	439,079,094		4,829,870,038	
3	Tháng 03	5,063,000	5,009,839	467,027,165	180,354,186	5,721,696,472	572,169,647	6,293,866,119	5,074,315,121	507,431,512		5,581,746,634	
II	Quý II	39,243,000	38,830,949	3,619,898,681	1,397,914,146	44,348,515,634	4,434,851,563	48,783,367,198	39,330,702,807	3,933,070,281		43,263,773,088	
1	Tháng 04	6,691,000	6,620,745	617,199,044	238,346,802	7,561,499,327	756,149,933	8,317,649,260	6,705,953,482	670,595,348		7,376,548,830	
5	Tháng 05	11,231,000	11,113,075	1,035,983,031	400,070,682	12,692,153,482	1,269,215,348	13,961,368,830	11,256,099,769	1,125,609,977		12,381,709,746	
6	Tháng 06	21,321,000	21,097,130	1,966,716,606	759,496,662	24,094,862,825	2,409,486,282	26,504,349,107	21,368,649,557	2,136,864,956		23,505,514,512	
III	Quý III	68,744,000	68,022,188	6,341,164,410	2,448,798,768	77,687,596,737	7,768,759,674	85,456,356,411	68,897,633,560	6,889,763,356		75,787,396,916	
7	Tháng 07	22,817,000	22,577,422	2,104,712,387	812,787,174	25,785,492,476	2,578,549,248	28,364,041,723	22,867,992,915	2,286,799,291		25,154,792,206	
8	Tháng 08	23,075,000	22,832,713	2,128,511,125	821,977,650	26,077,058,285	2,607,705,828	28,684,764,113	23,126,569,510	2,312,656,951		25,439,226,461	
9	Tháng 09	22,852,000	22,612,054	2,107,940,898	814,033,944	25,825,045,977	2,582,504,598	28,407,550,575	22,903,071,135	2,290,307,113		25,193,378,248	
IV	Quý IV	31,184,000	30,856,568	2,876,510,982	1,110,836,448	35,241,039,460	3,524,103,946	38,765,143,406	31,253,692,030	3,125,369,203		34,379,061,233	
10	Tháng 10	14,338,000	14,187,451	1,322,582,557	510,748,236	16,203,374,287	1,620,337,429	17,823,711,716	14,370,043,494	1,437,004,349		15,807,047,844	
11	Tháng 11	10,761,000	10,648,010	992,628,742	383,328,342	12,161,006,466	1,216,100,647	13,377,107,112	10,785,049,382	1,078,504,938		11,863,554,320	
12	Tháng 12	6,085,000	6,021,108	561,299,683	216,759,870	6,876,658,707	687,665,871	7,564,324,578	6,098,599,154	609,859,915		6,708,459,069	
	Tổng cộng	153,700,000	152,086,150	14,177,775,075	5,475,101,400	173,696,375,226	17,369,637,523	191,066,012,748	154,043,498,751	15,404,349,875		169,447,848,626	





**CHI PHÍ SXKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH CHI PHÍ SXKD NĂM 2022**  
**NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỦ PÁN 2**

STT	Nội dung chi phí	ĐV	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
<b>A</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Đồng</b>	<b>8,628,149,446</b>	<b>6,983,890,409</b>	<b>8,353,707,424</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí tiền lương + thưởng</b>	<b>Đồng</b>	<b>6,090,149,446</b>	<b>5,218,072,227</b>	<b>5,835,707,424</b>	
1	Chi phí tiền lương khoán	Đồng	4,342,149,446	3,694,996,798	4,077,707,424	
2	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	Đồng	350,000,000	288,575,429	350,000,000	
3	Lương phép, thưởng lễ, tết	Đồng	290,000,000	76,500,000	300,000,000	
4	Thưởng tháng 13	Đồng	350,000,000	400,000,000	400,000,000	
5	Thưởng hoàn thành vượt kế hoạch năm	Đồng	350,000,000	350,000,000	300,000,000	
6	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	408,000,000	408,000,000	408,000,000	
<b>II</b>	<b>CP quản lý, CP văn phòng</b>	<b>Đồng</b>	<b>2,538,000,000</b>	<b>1,765,818,182</b>	<b>2,518,000,000</b>	
1	Chi phí văn phòng phẩm + đồ dùng hành chính	Đồng	200,000,000	80,000,000	80,000,000	
2	Chi phí điện thoại, fax, internet	Đồng	80,000,000	30,000,000	80,000,000	
3	Chi phí thuê văn phòng Hà Nội	Đồng	520,000,000	544,000,000	720,000,000	
4	Chi phí tiếp khách, hội họp (đại hội cổ đông)...	Đồng	500,000,000	300,000,000	200,000,000	
5	Tiền tàu xe, công tác phí	Đồng	180,000,000	50,000,000	80,000,000	
6	Chi phí photocopy ấn tài liệu	Đồng	50,000,000	50,000,000	50,000,000	
7	Phí giao dịch ngân hàng và phí khác	Đồng	40,000,000	30,000,000	40,000,000	
8	Chi phí nghỉ mát CBCNV	Đồng	250,000,000		500,000,000	
9	Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	Đồng	90,000,000	81,818,182	90,000,000	
10	Chi phí xe con phục vụ	Đồng	300,000,000	360,000,000	350,000,000	
11	Chi phí mua bảo hiểm ô tô xe máy	Đồng	8,000,000		8,000,000	
12	Chi phí tiền điện văn phòng	Đồng	80,000,000	60,000,000	80,000,000	
13	Chi phí ủng hộ địa phương	Đồng	40,000,000		40,000,000	
14	Chi phí sửa xe và thay lốp xe	Đồng	200,000,000	180,000,000	200,000,000	
<b>B</b>	<b>Chi phí sản xuất</b>	<b>Đồng</b>	<b>31,956,586,220</b>	<b>13,310,902,568</b>	<b>32,741,802,584</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí tiền lương + thưởng PV SX</b>	<b>Đồng</b>	<b>5,682,149,446</b>	<b>5,420,310,500</b>	<b>6,559,276,404</b>	
1	Chi phí tiền lương khoán	Đồng	4,342,149,446	4,516,107,198	5,309,276,404	
2	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	Đồng	350,000,000	352,703,302	350,000,000	
3	Lương phép, thưởng lễ, tết	Đồng	290,000,000	76,500,000	300,000,000	
4	Thưởng tháng 13	Đồng	350,000,000	300,000,000	300,000,000	
5	Thưởng hoàn thành vượt kế hoạch năm	Đồng	350,000,000	175,000,000	300,000,000	
<b>II</b>	<b>Chi phí phục vụ sản xuất thường xuyên</b>		<b>5,128,211,774</b>	<b>3,799,703,587</b>	<b>5,382,526,180</b>	
1	Thuế môn bài	Đồng	3,000,000	3,000,000	3,000,000	
2	Quỹ phòng chống thiên tai	Đồng	50,000,000	102,000,000	102,000,000	
3	Chi phí lập đề án đánh giá tác động, ảnh hưởng của các thủy điện	Đồng	415,000,000			
4	Chi phí điện tự dùng cho sản xuất	Đồng	400,000,000	418,000,000	400,000,000	
5	Chi phí PV sản xuất thường xuyên	Đồng	1,379,640,000	1,399,690,134	1,649,640,000	
-	Khoản chi phí điện thoại, Internet nhà máy SP2	Đồng	90,000,000	67,600,000	90,000,000	
-	Chi phí văn phòng phẩm nhà máy SP2	Đồng	30,000,000	21,600,000	30,000,000	
-	Khoản nhiên liệu xe Ô tô	Đồng	80,000,000	54,480,000	80,000,000	
-	Hỗ trợ tiền xăng xe CBCNV nhà máy	Đồng	130,000,000	118,800,000	130,000,000	
-	Nhiên liệu phục vụ cho máy phát nhà máy và khu điều hành	Đồng	15,000,000	18,000,000	15,000,000	



STT	Nội dung chi phí	ĐV	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
-	Chi phí giáo dục đào tạo trường ca vận hành nhà máy	Đồng	30,000,000			
-	Tiền ăn ca	Đồng	350,000,000	574,039,134	650,000,000	
-	Chi phí công cụ dụng cụ	Đồng	100,000,000	76,000,000	100,000,000	
-	Trang thiết bị phương tiện phòng cháy chữa cháy	Đồng	20,000,000	42,000,000	20,000,000	
-	Bảo hộ lao động cho CNVH	Đồng	60,000,000	43,531,000	60,000,000	
-	Chi phí khám sức khỏe định kỳ	Đồng	40,000,000		40,000,000	
-	Chi phí quan trắc môi trường	Đồng	40,000,000	40,000,000	40,000,000	
-	Chi phí xử lý dầu thải	Đồng	5,000,000	5,000,000	5,000,000	
-	Cước thuê kênh phục vụ SCADA và thị trường điện và bảo dưỡng thiết bị	Đồng	284,640,000	284,640,000	284,640,000	
-	Chi phí sửa xe, máy móc thiết bị và thay lốp xe và chi khác	Đồng	100,000,000	54,000,000	100,000,000	
-	Chi phí mua bảo hiểm ô tô xe máy	Đồng	5,000,000		5,000,000	
6	Chi phí khác	Đồng	2,880,571,774	1,877,013,453	3,227,886,180	
-	Chi phí bảo hiểm nhà máy SP2	Đồng	538,543,888	527,886,180	527,886,180	
-	Chi phí vận hành đường dây 110KV	Đồng	709,921,886	780,909,091	950,000,000	
-	Dầu máy tuabin + Vật tư SC	Đồng	617,656,000	500,000,000	500,000,000	
-	Chi phí bảo dưỡng tuabin, máy phát tổ máy H1 và H3	Đồng	300,000,000			
-	Chi phí gia công sửa chữa vành góp chổi than, vành vai cánh hướng, cánh hướng nước	Đồng	214,450,000	68,218,182	750,000,000	
-	Chi phí dự phòng khác	Đồng	500,000,000		500,000,000	
<b>III</b>	<b>Chi phí sửa chữa, vật tư thay thế theo định kỳ</b>	<b>Đồng</b>	<b>5,546,225,000</b>	<b>3,963,615,755</b>	<b>5,300,000,000</b>	
1	Vật tư thay thế sửa chữa (phần thiết bị cơ khí)	Đồng	36,225,000			
2	Vật tư thay thế sửa chữa (phần đường dây nối từ nhà van lên đập)	Đồng		108,570,000	100,000,000	
3	Chi phí kiểm định, thí nghiệm định kỳ	Đồng	120,000,000	108,887,391	200,000,000	
4	Chi phí sửa chữa + kết nối hệ thống SCADA trạm biến áp mở rộng Tăng Loong	Đồng	890,000,000	720,780,364	500,000,000	
5	Chi phí sửa chữa, căn chỉnh và phục hồi chế tạo lại Stato máy phát tổ máy H2	Đồng			3,000,000,000	
6	Chi phí sửa chữa thay bánh xe công tác và phục hồi chế tạo lại Stato tổ máy H3	Đồng	4,000,000,000	2,945,378,000		
7	Chi phí sửa chữa đường dây 110kV	Đồng	500,000,000		500,000,000	
8	Công tơ đo đếm điện năng	Đồng		80,000,000		
9	Phục hồi bánh xe công tác cũ tổ máy H3 làm dự phòng	Cái			1,000,000,000	
<b>IV</b>	<b>Chi phí sửa chữa các hạng mục công trình dân dụng</b>	<b>Đồng</b>	<b>15,600,000,000</b>	<b>127,272,727</b>	<b>15,500,000,000</b>	
1	Gia cố, sửa chữa tuyến đường ống áp lực	Đồng	3,000,000,000		3,000,000,000	
2	Gia cố đường vận hành cửa nhận nước	Đồng	1,000,000,000		1,000,000,000	
3	Chi phí sơn dặm lại đường ống	Đồng	1,000,000,000		1,000,000,000	
4	Chi phí xử lý sạt trượt khu nhà điều hành	Đồng	500,000,000		500,000,000	
5	Chi phí nạo vét lòng hồ	Đồng	8,000,000,000		8,000,000,000	
6	Chi phí mở đường thi công để nạo vét lòng hồ	Đồng	2,000,000,000		2,000,000,000	
7	Chi phí kiểm định an toàn đập	Đồng	100,000,000	127,272,727		
*	<b>Tổng cộng chi phí</b>	<b>Đồng</b>	<b>40,584,735,666</b>	<b>20,294,792,978</b>	<b>41,095,510,008</b>	





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỦ PÁN 2**

**KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN NĂM 2022 - CÔNG TY THỦY ĐIỆN SỦ PÁN 2**

STT	Nội dung chi phí	ĐV	Dòng tiền trong kỳ năm 2022	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng dòng tiền thu trong kỳ năm 2022</b>	<b>Đồng</b>	<b>256,050,205,922</b>	
<b>I</b>	<b>Dòng tiền đầu năm</b>	<b>Đồng</b>	<b>30,325,624,863</b>	
-	Dư tiền đầu kỳ tại ngày 01/1/2022	Đồng	30,325,624,863	Doanh thu bán điện tháng 11+12/2021
<b>II</b>	<b>Dòng tiền thu trong năm</b>	<b>Đồng</b>	<b>225,724,581,058</b>	
1	Doanh thu bán điện năm 2022	Đồng	170,124,581,058	Từ tháng 1-:-10/2022
2	Nguồn thu khác	Đồng	600,000,000	Thu tiền quản lý vận hành đường dây 110kV
3	Nguồn đóng góp từ cổ đông	Đồng	55,000,000,000	Trả nhà thầu XD và T.Cty Sông Đà
<b>B</b>	<b>Dòng tiền chi ra trong kỳ năm 2022</b>	<b>Đồng</b>	<b>256,049,998,041</b>	
1	Chi phí phục vụ sản xuất	Đồng	41,095,510,008	
2	Chi phí trả thuế	Đồng	41,105,328,110	
-	Thuế VAT	Đồng	18,222,745,993	
-	Thuế tài nguyên nước	Đồng	14,915,043,542	
-	Phí môi trường rừng	Đồng	5,759,816,004	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	2,207,722,570	
3	Trả ngân hàng	Đồng	100,000,000,000	
-	Trả gốc	Đồng	50,000,000,000	
-	Trả lãi vay+ phát sinh	Đồng	50,000,000,000	
4	Trả nợ nhà thầu + TCTy Sông Đà	Đồng	73,849,159,924	
-	Tổng công ty Sông Đà	Đồng	37,474,752,613	
-	Cơ khí lắp máy Sông Đà	Đồng	18,625,310,422	
-	Công ty CP Sông Đà 10	Đồng	13,221,823,557	
-	Công ty CP Sông Đà 12	Đồng	2,737,964,535	
-	Công ty CP Sông Đà 25	Đồng	1,000,000,000	
-	Công ty CP Sông Đà 19	Đồng	789,308,797	
<b>C</b>	<b>Dòng tiền còn lại đến cuối kỳ (C = A-B)</b>	<b>Đồng</b>	<b>207,880</b>	